TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 07/12/2017.
V/v: Không công nhận là vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đới Văn Học.
Các hội thẩm nhân dân:
1) Bà Trần Thị Hoa;
2) Bà Lê Thị Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông K' My Na – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà My La – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Xét sử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc: "Không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/11/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ka B; Sinh năm 1969.
Địa chỉ: Số 9/2 thôn 6, xã T, huyện D, tỉnh L.

Bị đơn: Ông K' B; Sinh năm 1967.
Địa chỉ: Thôn 15, xã H, huyện D, tỉnh L.

Bà B có mặt tại phiên tòa; ông K' B vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, bà B trình bày: Bà và ông K' B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1987 trước khi sinh cháu Ka Biên (sinh ngày 20/02/1989) 02 năm, không đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1995 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp nhau, ông B không chịu khó làm ăn, thường xuyên uống rượu về nhà đánh chửi vợ con. Từ năm 1995 đến nay đã sống ly thân. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Ka Biên, sinh năm 1989; Ka Bảo, sinh năm 1992 và K' Dương, sinh năm 1995, hiện nay các cháu đều đã trưởng thành và hoàn toàn khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung; tài sản nợ chung và tài sản cho vay chung không có. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản.

Theo lời khai, ông K' B trình bày: Công nhận lời trình bày của bà B về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản như trên là đúng.

Vợ chồng mâu thuẫn và đã sống ly thân. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà B.

Khi ly hôn, các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng không có tài sản chung; tài sản cho vay chung và nợ chung không có. Khi ly hôn không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ka B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, ông K’ B vắng nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ka B và ông K’ B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1987, không đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1995 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp nhau, ông B không chịu khó làm ăn, thường xuyên uống rượu về nhà đánh chửi vợ con. Từ năm 1995 đến nay đã sống ly thân. Hiện nay cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, bà B và ông B không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chung sống với nhau như vợ chồng, hiện nay có mâu thuẫn, đã sống ly thân và không còn tình cảm với nhau. Căn cứ Khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Xử không công nhận là vợ chồng giữa bà B và ông B là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Ka Biên, sinh năm 1989; Ka Bảo, sinh năm 1992 và K’ Dương, sinh năm 1995, hiện nay các cháu đều đã trưởng thành và hoàn toàn khỏe mạnh nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung; tài sản cho vay chung và tài sản nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà B phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

Quyết định:

Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa bà Ka B và ông K’ B.

2) Về án phí: Bà B chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0003013 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh. Bà Bíp đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Các đương sự; (để thi hành)
- Chi cục THA DS huyện Di Linh;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đới Văn Học